

Bản án số: 07/2019/DS-ST

Ngày: 10-5-2019

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Ngô Huỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Minh Ngoan

2. Ông Phan Thành Nhu

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Hoài Ân – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 252/2018/TLST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2019/QĐST - DS ngày 08 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1/ Bà Nguyễn Thị Q (có mặt)

2/ Ông Lý Văn R (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lý Văn R: Bà Nguyễn Thị Q (Văn bản ủy quyền ngày 26/3/2019)

Cùng trú tại: ấp P, thị trấn M, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

- Bị đơn:

1/ Ông Ngô Văn T (vắng mặt)

2/ Bà Bùi Thị N (vắng mặt)

Cùng trú tại: ấp P, thị trấn M, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/12/2018 và các lời khai của nguyên đơn trình bày: Vào ngày 16/02/2013 âm lịch ông Ngô Văn T và vợ là Bùi Thị N có vay của vợ chồng nguyên đơn 60.000.000 đồng, lãi suất 04%/tháng. Khi vay tiền, bị đơn hẹn 06 tháng sau sẽ trả nợ, và bị đơn có đóng lãi đến ngày 01/01/2014 thì ngưng. Ngoài ra, biên nhận nợ còn thể hiện bị đơn có mượn thêm 10.000.000 đồng của nguyên đơn vào ngày 15/10/2013 âm lịch, nhưng nguyên đơn cho rằng số tiền này đã trả xong nên không yêu cầu. Đối với số tiền 60.000.000 đồng đến nay bị đơn vẫn không trả tiền gốc và tiền lãi. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả 60.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi suất 20%/năm là 48.000.000 đồng, tính từ ngày 01/01/2014 đến ngày 26/12/2018. Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền gốc 60.000.000 đồng và tiền lãi là 20.000.000 đồng.

Bị đơn ông Ngô Văn T và bà Bùi Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về phần thủ tục từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn ông Ngô Văn T và bà Bùi Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền đã vay và tiền lãi phát sinh, nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Nguyên đơn khởi kiện vợ chồng ông Ngô Văn T và bà Bùi Thị N để yêu cầu thanh toán số tiền vay là 60.000.000 đồng và lãi phát sinh. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình nguyên đơn đã cung cấp hợp đồng vay mượn ngày 16/02/2013 của ông Ngô Văn T và bà Bùi Thị N và cam kết thời gian trả tiền cho bà Q, ông R là 06 tháng kể từ ngày mượn. Nhưng đến nay bị đơn vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết là vi phạm thỏa thuận với nguyên đơn. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự thời hiệu khởi kiện về hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày nguyên đơn biết quyền và lợi ích của mình bị xâm phạm. Theo đó bị đơn cam kết sẽ trả nợ là sáu tháng, kể từ ngày mượn. Nhưng đến ngày 26/12/2018 nguyên đơn mới khởi kiện là quá thời

hiệu quy định. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, các đương sự không ai yêu cầu về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét theo quy định tại Điều 149 của Bộ luật dân sự.

Bị đơn có vay thì phải có trả. Nguyên đơn yêu cầu trả số tiền gốc 60.000.000 đồng là phù hợp. Đối với số tiền lãi theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất từ ngày 01/01/2014 đến ngày 26/12/2018 theo quy định. Do hợp đồng vay mượn của các đương sự chỉ thể hiện bị đơn có mượn tiền của nguyên đơn mà không đề cập đến phần lãi suất, nên Hội đồng xét xử áp dụng lãi suất cơ bản là 9%/năm từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2016 (thời gian áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005) là $60.000.000 \text{ đồng} \times 9\%/\text{năm} \times 35 \text{ tháng} = 15.750.000 \text{ đồng}$. Từ ngày 01/01/2017 đến khi xét xử sơ thẩm ngày 10/5/2019 (thời gian áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015) là $60.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 27 \text{ tháng} 10 \text{ ngày} = 13.665.000 \text{ đồng}$. Như vậy tiền lãi phát sinh theo quy định là 29.415.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa nguyên đơn chỉ yêu cầu tiền lãi là 20.000.000 đồng, Do đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc bị đơn trả tiền vốn gốc và lãi cho nguyên đơn tổng cộng là 80.000.000 đồng.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu phần án phí có giá ngạch là $80.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 4.000.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q và ông Lý Văn R.

Buộc ông Ngô Văn T và bà Bùi Thị N phải trả cho bà Nguyễn Thị Q và ông Lý Văn R 80.000.000 đồng (trong đó nợ gốc là 60.000.000 đồng, nợ lãi là 20.000.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền

còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Ngô Văn T và bà Bùi Thị N phải chịu 4.000.000 đồng. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Q và ông Lý Văn R 2.700.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã đóng theo biên lai số 0017955 ngày 28/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng, thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND h. Châu Thành;
- THA h. Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phan Ngô Huỳnh